

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33 /2026/QĐ-CTUBND

Nghệ An, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế nhập, cập nhật và khai thác dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 24/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số thông tin chi tiết trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4904/TTr-SXD ngày 16 tháng 6 năm 2026; báo cáo thẩm định số 1142/BCTĐ-STP ngày 14/5/2026 của Sở Tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quy chế về nhập, cập nhật và khai thác dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về nhập, cập nhật và khai thác dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình

xây dựng vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/7/2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././.✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử phạt vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh Nghệ An;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, CN (PTP, S).



Hoàng Phú Hiền

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quy chế nhập, cập nhật và khai thác dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2026/QĐ-CTUBND
ngày 30/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, quy trình, trách nhiệm nhập, cập nhật và khai thác dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng (sau đây gọi tắt là: *Hệ thống*).

2. Không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và cần đảm bảo bí mật nhà nước.

3. Các nội dung khác không được quy định tại quy chế này, thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc nhập, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Cụ thể:

1. Cơ quan chuyên môn:

a) Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam;

b) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Phòng Kinh tế đối với Ủy ban nhân dân xã; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với Ủy ban nhân dân phường.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn, đầu tư xây dựng và công trình xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường.
4. Các Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cung cấp, cập nhật và khai thác dữ liệu.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ, chính xác và kịp thời dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng.
2. Dữ liệu được cập nhật đúng thẩm quyền, đúng nguồn gốc pháp lý, phù hợp với hồ sơ, quyết định đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.
3. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật.
4. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải đúng mục đích, phục vụ công tác quản lý nhà nước, không làm sai lệch hoặc sử dụng trái phép dữ liệu về quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng.

Chương II

NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH NHẬP, CẬP NHẬT DỮ LIỆU

Điều 4. Phân loại dữ liệu nhập, cập nhật

1. Dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn: Bao gồm thông tin chung, thông tin chi tiết về quy hoạch đô thị và nông thôn và hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị riêng chi tiết được quy định tại Phụ lục II Thông tư số 24/2025/TT-BXD.
2. Dữ liệu dự án đầu tư xây dựng: Bao gồm thông tin chung, thông tin chi tiết được quy định tại Phụ lục III Thông tư số 24/2025/TT-BXD.
3. Dữ liệu công trình xây dựng: Bao gồm thông tin chung, thông tin chi tiết được quy định tại Phụ lục III Thông tư số 24/2025/TT-BXD.

Điều 5. Quy trình nhập, cập nhật dữ liệu

1. Khởi tạo mã số thông tin: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP.
2. Nhập thông tin, dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP.
3. Cập nhật, điều chỉnh thông tin, dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Khởi tạo mã số thông tin

1. Mã số thông tin của quy hoạch đô thị và nông thôn

Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn (Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam, Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm khởi tạo mã số thông tin của quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP khi trình phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Mã số thông tin của dự án đầu tư xây dựng

a) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam, Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã): Khởi tạo mã số thông tin của dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP khi có kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đạt yêu cầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy phép xây dựng (Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam, Ủy ban nhân dân cấp xã): Khởi tạo mã số thông tin của dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP khi cấp giấy phép xây dựng công trình thuộc dự án đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

3. Mã số thông tin của công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng

a) Các cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam, Phòng chuyên môn được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã): Khởi tạo mã số thông tin của công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP khi thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đạt yêu cầu đối với trường hợp công trình xây dựng thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy phép xây dựng (Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam, Ủy ban nhân dân cấp xã):

- Khởi tạo mã số thông tin của công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP khi cấp giấy phép xây dựng công trình xây dựng đối với trường hợp công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- Khởi tạo mã số thông tin của công trình xây dựng thuộc đối tượng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP khi cấp giấy phép xây dựng công trình.

Điều 7. Nhập thông tin, dữ liệu

1. Nhập thông tin, dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn

a) Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn (Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam, phòng chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã): Phối hợp với cơ quan lập quy hoạch nhập thông tin chung về quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 111/2024/ NĐ - CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/ NĐ - CP và chi tiết tại Phụ lục II Thông tư số 24/2025/TT-BXD khi thực hiện khởi tạo mã số thông tin theo quy định.

b) Cơ quan, tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn:

- Cập nhật nội dung thông tin chi tiết quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP và chi tiết tại Phụ lục II Thông tư số 24/2025/TT - BXD trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Đối với quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt còn hiệu lực mà chưa xây dựng hoặc chưa đầy đủ cơ sở dữ liệu thì cơ quan lập quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm rà soát, bổ sung cơ sở dữ liệu số cơ bản và cơ sở dữ liệu số pháp lý theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại Thông tư số 24/2025/TT-BXD.

2. Nhập thông tin, dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

a) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp về thẩm định, cấp giấy phép xây dựng (Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam, Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã): Nhập thông tin chung về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng quy định tại điểm a Khoản 1, điểm a Khoản 2 và điểm a Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP và chi tiết tại Phụ lục III Thông tư số 24/2025/TT-BXD khi thực hiện khởi tạo mã số thông tin theo quy định và cập nhật kết quả giải quyết thủ tục hành chính do mình thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thủ tục hành chính.

b) Chủ đầu tư (trừ chủ hộ gia đình đối với nhà ở riêng lẻ): Cập nhật thông tin chi tiết quy định tại điểm b Khoản 1, điểm b Khoản 2 và điểm b Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP và chi tiết tại Phụ lục III Thông tư số 24/2025/TT-

BXD trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thực hiện thủ tục hành chính, trừ các thông tin do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cập nhật theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 8. Cập nhật, điều chỉnh thông tin trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cập nhật thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy chế này có trách nhiệm thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề xuất hoặc phát hiện thông tin trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu điện tử và hồ sơ, tài liệu bằng giấy thì các cơ quan, tổ chức thẩm định quy hoạch, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm rà soát, kiểm tra và điều chỉnh thông tin, dữ liệu đảm bảo đầy đủ, chính xác.

Chương III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Điều 9. Nguyên tắc khai thác dữ liệu

1. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải đúng mục đích, đúng thẩm quyền; bảo đảm bảo mật, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và không làm sai lệch, biến dạng dữ liệu gốc.

2. Dữ liệu được cung cấp theo các phương thức phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Cơ quan quản lý nhà nước được sử dụng đầy đủ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát, thống kê, báo cáo và kiểm tra, thanh tra chuyên ngành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin theo phạm vi:

a) Thông tin công khai theo quy định được truy cập miễn phí;

b) Thông tin không công khai chỉ được cung cấp khi đáp ứng điều kiện về bảo mật và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc khai thác dữ liệu chuyên sâu phục vụ nghiên cứu, phân tích phải tuân theo quy trình đăng ký và thẩm định của đơn vị quản lý dữ liệu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.
2. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nhập, cập nhật và khai thác dữ liệu về quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
3. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện về tình hình thực hiện.

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức nhập, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu về quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quản lý vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng theo đúng quy định.
2. Bảo đảm dữ liệu được cập nhật đúng thẩm quyền, phù hợp với hồ sơ, quyết định đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận; chịu trách nhiệm về tính chính xác, thống nhất của dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình nhập và quản lý.
3. Thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu theo danh mục, cấu trúc, biểu mẫu và quy trình kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành; kịp thời rà soát, chỉnh sửa, bổ sung dữ liệu khi có thay đổi hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
4. Thực hiện việc quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu theo đúng mục đích, đúng phạm vi được phân quyền; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình nhập, cập nhật và khai thác dữ liệu theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn, Chủ đầu tư các dự án, công trình xây dựng

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn, Chủ đầu tư tổ chức nhập, cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn (nếu có), dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng do mình làm chủ đầu tư vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm dữ liệu được cập nhật đúng thẩm quyền, đúng nguồn gốc pháp lý; phù hợp với hồ sơ, quyết định đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận hoặc cấp phép.

3. Thực hiện cập nhật dữ liệu theo đúng danh mục, biểu mẫu, cấu trúc dữ liệu và thời hạn quy định tại Quy chế này và các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của dữ liệu do mình nhập, cập nhật vào hệ thống.

5. Phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã phường và các cơ quan liên quan trong việc rà soát, đối soát, chỉnh sửa, bổ sung dữ liệu khi có yêu cầu; kịp thời cập nhật các thay đổi phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và quản lý, khai thác công trình.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình nhập, cập nhật dữ liệu theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp. /.

